

Bản án số: 14 /2019/HSST

Ngày: 01-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Trí.

2. Bà Trần Thị Hòa Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/HSST ngày 23/01/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 15/02/2019; đối với bị cáo:

TRẦN THỊ THU S, Sinh năm 1976; Nơi sinh: Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố A, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Con ông: Trần Công A (đã chết) và bà Vũ Thị H; Chồng: Dương Anh V (đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn nhất 19 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú số 11 ngày 15/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh Trần Công T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Trần Bảo L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường G, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường G, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 204/37 N, phường N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

3. Anh Võ Anh K, sinh năm 1986(vắng mặt) .

Địa chỉ: Khu phố S, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/02/2018, Trần Thị Thu S, sinh năm 1976 ở khu phố A, phường T, thành phố P, đến nhà Trần Công T, sinh năm 1977, ở thôn A, xã T, huyện H mượn xe mô tô, biển số 86T1 - 0542 để làm phương tiện đi lại trong dịp Tết Nguyên đán năm 2018. Trần Công T đồng ý nhưng chỉ giao xe, không giao giấy tờ xe, đồng thời thỏa thuận đến ngày 17/3/2018 Trần Thị Thu S phải trả lại xe mô tô, biển số 86T1-0542 cho Trần Công T.

Trong khoảng thời gian trên, Trần Thị Thu S có mượn của Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984, ở 204/37 N, phường N, thành phố P số tiền 1.000.000 đồng. Khi Nguyễn Thị Thanh T thúc dục trả nợ nhiều lần nhưng Trần Thị Thu S không có tiền, đến ngày 09/3/2018 Trần Thị Thu S đem xe mô tô, biển số 86T1-0542 đến nhờ Nguyễn Trần Bảo L, sinh năm 1996 là cháu quen thân, ở khu phố B, cùng phường T tìm nơi thế chấp để lấy tiền trả nợ cho Nguyễn Thị Thanh T. Trần Thị Thu S nói xe mô tô trên là của mình, Nguyễn Trần Bảo L tưởng là thật nên tìm gặp một người đàn ông tên T (không rõ họ, địa chỉ) tại tiệm bán cá Ròng Vàng, thuộc khu dân cư Hùng Vương, thành phố P xin thế chấp trong vòng 03 ngày với số tiền 1.500.000 đồng, tiền lãi trả trước 50.000 đồng/ngày x 03 ngày = 150.000 đồng, Nguyễn Trần Bảo L nhận 1.350.000 đồng, sau đó trả giúp tiền nợ cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 350.000 đồng sử dụng cá nhân. Ngày hôm sau, do cần tiền nên Nguyễn Trần Bảo L tiếp tục tìm gặp người đàn ông tên T tại địa điểm trên lấy thêm tiền thế chấp xe mô tô, biển số 86T1-0542 số tiền là 300.000 đồng. Khoảng 6 ngày sau, Trần Thị Thu S đưa 1.500.000 đồng cho Nguyễn Trần Bảo L để đi chuộc lại xe mô tô đã thế chấp nhưng không tìm và liên hệ được với người đàn ông tên T. Sau đó cả Nguyễn Trần Bảo L và Trần Thị Thu S đi tìm người đàn ông tên T tại nhiều địa điểm trong thành phố P để chuộc lại xe mô tô trên nhưng không gặp. Khi biết con ruột là Nguyễn Trần Bảo L có sử dụng tiền từ việc thế chấp xe mô tô, biển số 86T1-0542 và không tìm thấy để chuộc lại nên Trần Thị L đã đưa cho Trần Thị Thu S 1.800.000 đồng.

Từ ngày 17/3/2018, không thấy Trần Thị Thu S trả lại xe mô tô đã cho mượn nên Trần Công T tìm cách liên hệ để đòi tài sản. Khi biết Trần Thị Thu S đã thế chấp xe mô tô, biển số 86T1-0542 lấy tiền sử dụng cá nhân. Ngày 10/4/2018, Trần Công T có đơn tố cáo Trần Thị Thu S gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H để giải quyết.

Kết luận định giá tài sản số 50/2018/HĐĐGTT ngày 20/8/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng huyện H, kết luận:

01 xe mô tô, biển số: 86T1-0542, nhãn hiệu Honda, đăng ký lần đầu năm 2007.

Giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án là 27.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn lại 30%.

Thành tiền: 27.000.000 đồng x 30% = 8.100.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ và xử lý:

01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số 86T1-0542. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Trần Công T.

Về dân sự:

Trần Thị Thu S đã mua một xe mô tô, hiệu Honda Super Dream bồi thường cho Trần Công T. Sau khi nhận lại xe mô tô ông Trần Công T không có yêu cầu gì và có đơn bãi nại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Trần Thị Thu S.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSHTB-HS ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố **Trần Thị Thu S** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra. Xác định Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không có thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Thu S** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Trần Thị Thu S** từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Thị Thu S** khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện H, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Ngày 01/02/2018, Trần Công T cho Trần Thị Thu S mượn xe mô tô, biển số 86T1-0542, trị giá 8.100.000 đồng để làm phương tiện đi lại trong dịp Tết Nguyên đán năm 2018, thời hạn trả xe ngày 17/3/2018. Trần Thị Thu S sử dụng xe mô tô trên một thời gian, đến ngày 09/3/2018, đã nhờ Nguyễn Trần Bảo L tìm nơi thế chấp, lấy tiền trả nợ cho người khác. Hành vi nêu trên của **Trần Thị Thu S** đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo **Trần Thị Thu S** là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện việc phạm tội hoàn toàn với ý thức chủ quan, lợi dụng sự tin tưởng, quen biết của anh Trần Công T đối với bị cáo nên khi anh T cho bị cáo mượn xe để sử dụng thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bằng cách nhờ người khác thế xe lấy tiền. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương là nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

thành khẩn khai báo, được bị hại bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Không có áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề xuất mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định, cùng với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo, như đề xuất mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt của điều luật nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000 đồng...” lẽ ra bị cáo còn bị phạt tiền nhưng xét theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có nghề nghiệp nội trợ, bị cáo không có tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng : Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho anh Trần Công T: 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số 86T1-0542. Sau khi nhận lại tài sản, anh T không yêu cầu gì khác nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã mua một xe mô tô, hiệu Honda Super Dream bồi thường cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Tòa không xem xét.

[9] Về những vấn đề khác:

Đối với hành vi của Nguyễn Trần Bảo L không biết trước đó Trần Thị Thu S mượn xe mô tô, biển số 86T1-0542 của Trần Công T để sử dụng, sau đó nhờ đem thế chấp cho người khác nên không đồng phạm trong vụ án. Cơ quan điều tra không khởi tố; Viện kiểm sát nhân dân huyện H không truy tố là phù hợp nên Tòa không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, **Điều 65** Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu S phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Trần Thị Thu S 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2019).

Giao bị cáo Trần Thị Thu S cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Thu S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/3/2019).

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện H;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Tâm